

BÁO CÁO**Về tình hình thực hiện công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam**

Kính gửi: Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam báo cáo tình hình thực hiện công khai phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 theo Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.

I. Tình hình công khai ngân sách tại đơn vị

- Số đơn vị chưa công khai ngân sách: không.
- Số đơn vị thực hiện công khai ngân sách: (chi tiết theo biểu sau)

Stt	Tên đơn vị	Đơn vị đã thực hiện công khai ngân sách					
		Nội dung		Hình thức		Thời gian	
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian	Chưa đúng thời gian
1	Văn phòng VKS tỉnh	x		x		x	
2	VKS Tam Kỳ	x		x		x	
3	VKS Núi Thành	x		x		x	
4	VKS Phú Ninh	x		x		x	
5	VKS Tiên Phước	x		x		x	
6	VKS Bắc Trà My	x		x		x	
7	VKS Nam Trà My	x		x		x	
8	VKS Phước Sơn	x		x		x	
9	VKS Hiệp Đức	x		x		x	

10	VKS Nam Giang	x		x		x	
11	VKS Tây Giang	x		x		x	
12	VKS Đông Giang	x		x		x	
13	VKS Nông Sơn	x		x		x	
14	VKS Quế Sơn	x		x		x	
15	VKS Đại Lộc	x		x		x	
16	VKS Điện Bàn	x		x		x	
17	VKS Hội An	x		x		x	
18	VKS Thăng Bình	x		x		x	
19	VKS Duy Xuyên	x		x		x	

II. Nêu những nguyên nhân tại sao chưa công khai hoặc đã công khai nhưng chưa đúng quy định: không.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: TV.

VIỆN TRƯỞNG



TRẦN HOÀI NAM

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-VKSTC ngày 02/01/2024 về việc ủy quyền phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Quyết định số 145/QĐ-VKSTC ngày 29/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

Xét đề nghị của Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, kế toán Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- VKSND tối cao (b/cáo);
- Đơn vị sử dụng NS (t/hiện);
- Lưu: VT, TV.



Trần Hoài Nam

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ
CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số: 04/VKS-VP ngày 12/01/2024 của Viện trưởng VKSND tỉnh Quảng Nam)

DVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Số chưa phân bổ
A	Dự toán thu			
I	Tổng số thu			
1	Thu phí, lệ phí <i>(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)</i>			
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ <i>(Chi tiết theo từng loại hình SX, DV)</i>			
3	Thu viện trợ (chi tiết theo từng dự án)			
4	Thu sự nghiệp khác <i>(Chi tiết theo từng loại thu)</i>			
II	Số thu nộp NSNN			
1	Phí, lệ phí <i>(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)</i>			
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ <i>(Chi tiết theo từng loại hình SX, DV)</i>			
3	Hoạt động sự nghiệp khác <i>(Chi tiết theo từng loại thu)</i>			
III	Số được để lại chi theo chế độ			
1	Phí, lệ phí <i>(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)</i>			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ <i>(Chi tiết theo từng loại hình SX, DV)</i>			
3	Thu viện trợ			
4	Hoạt động sự nghiệp khác <i>(Chi tiết theo từng loại thu)</i>			
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước (không bao gồm chi đầu tư)	62.476.800.000	62.476.800.000	0
I	Loại 340, khoản 341	62.164.300.000	62.164.300.000	
A	Kinh phí tự chủ	58.916.900.000	58.916.900.000	
1	VP Viện tỉnh		25.208.500.000	
2	TP Tam Kỳ		2.914.200.000	
3	TP Hội An		2.156.000.000	
4	Tiên Phước		1.811.000.000	
5	Thăng Bình		2.695.700.000	
6	Tây Giang		1.419.300.000	
7	Quế Sơn		1.832.100.000	
8	Phước Sơn		2.012.300.000	
9	Phú Ninh		2.114.600.000	
10	Núi Thành		2.181.500.000	
11	Nông Sơn		1.373.500.000	
12	Nam Trà My		1.196.400.000	
13	Nam Giang		1.498.400.000	
14	Hiệp Đức		1.317.900.000	



STT	Chỉ tiêu	Tổng số được gino	Tổng số đã phân bổ	Số chưa phân bổ
15	Duy Xuyên		2.198.700.000	
16	Đông Giang		1.545.600.000	
17	Điện Bàn		2.421.300.000	
18	Đại Lộc		1.630.100.000	
19	Bắc Trà My		1.389.800.000	
B	Kinh phí không tự chủ	3.247.400.000	3.247.400.000	
1	VP Viện tỉnh		2.146.500.000	
2	TP Tam Kỳ		55.500.000	
3	TP Hội An		39.500.000	
4	Tiên Phước		35.500.000	
5	Thăng Bình		51.500.000	
6	Tây Giang		27.500.000	
7	Quế Sơn		35.500.000	
8	Phước Sơn		35.500.000	
9	Phú Ninh		39.500.000	
10	Núi Thành		319.400.000	
11	Nông Sơn		18.500.000	
12	Nam Trà My		18.500.000	
13	Nam Giang		207.500.000	
14	Hiệp Đức		31.500.000	
15	Duy Xuyên		39.500.000	
16	Đông Giang		27.500.000	
17	Điện Bàn		51.500.000	
18	Đại Lộc		35.500.000	
19	Bắc Trà My		31.500.000	
II	Loại 70, khoản 085		312.500.000	
	Đào tạo lại cán bộ		312.500.000	
1	VP Viện tỉnh		312.500.000	
C	Dự toán chi nguồn khác (UBND hỗ trợ)			
I	Chi thanh toán cá nhân			
II	Chi nghiệp vụ chuyên môn			
III	Chi mua sắm, sửa chữa			
	Tổng cộng	62.476.800.000	62.476.800.000	